TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2025/HC-PT
Ngày: 23-01-2025
V/v: *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

***- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** ông **Phạm Văn Hợp**

***- Các Thẩm phán*:** ông **Nguyễn Văn Tào**

ông **Lê Văn Thường**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông **Nguyễn Duy Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Thế Vinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 458/2024/TLPT-HC ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 186/2024/HC-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 220/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Triệu Hữu L, sinh năm 1974 và bà Triệu Thị M, sinh năm 1975; Cùng địa chỉ: Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Hữu H, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số E Q, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh, đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Đình C – Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Lê Viết P– Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E; Bà Nguyễn Thị L1 – Chức vụ: Phó Trưởng phòng tư pháp huyện E.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E; Địa chỉ: Số A N, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E, Địa chỉ: Số E T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L4; Địa chỉ: Số B N, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: ông Phạm Hữu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Phần trình bày của người khởi kiện:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày:

Ông Triệu Hữu L và vợ là Triệu Thị M có 03 thửa đất tại địa chỉ thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đăk Lắk. Hiện 03 thửa đất này đang nằm trong diện tích đất bị thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường C - Buôn M với diện tích là 2.025,50 m^2 thuộc thửa đất 344/127, diện tích 2.636,80 m^2 thuộc thửa đất 335/127 diện tích 3.052,80 m^2 thuộc thửa đất số 409/127. Quyết định số 205/QĐ-UBND do UBND Huyện E ban hành ngày 06/7/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại dự án nêu trên. Ông L và bà M hoàn toàn không đồng ý với Quyết định nêu trên của UBND huyện, bởi:

- Xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất và bồi thường đất bị thu hồi: Nguồn gốc đất này là ông L và bà M khai hoang từ năm 2001 và cất nhà vào năm 2001 để sinh sống ổn định đến nay. Ngoài ra ông L và bà M còn trồng cây cà phê vối vào năm 2001, cây mít năm 2001... Từ khi khai phá, ông L và bà M làm nhà và sinh sống ổn định, không tranh chấp với ai, không bị cơ quan tổ chức nào ngăn cản, không bị xử phạt hành chính từ năm 2001 đến nay. Đến nay UBND huyện E lại ra Quyết định thu hồi không bồi thường đất mà chỉ hỗ trợ về tài sản, kiến trúc và cây trồng gắn liền với đất bị thu hồi là không hợp lý, bởi lẽ nguồn gốc đất này là đã do ông L và bà M khai hoang sử dụng quản lý từ năm 2001 điều này hơn ai hết chính quyền địa phương xóm làng đều thấy rõ. Nay lại cho rằng đất này không thuộc quyền sở hữu của ông L và bà M mà cho rằng ông L và bà M tự ý lấn chiếm từ năm 2015 nên không giao đất tái định cư, không bồi thường về đất, mà chỉ hỗ trợ về tàn sản, kiến trúc là 30%, hỗ trợ về cây trồng gắn liền với đất là 30% với tổng số tiền là 70.543.986 đồng, là không có cơ sở và không hợp lý. Điều này gây ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích cũng như thiệt hại nặng nề đối với phần công

sức của ông L và bà M, ảnh hưởng trực tiếp đến phần công sức tạo dựng và đóng góp của vợ chồng ông L và bà M.

- Chính vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, ông L và bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những việc cụ thể như sau:

1. Hủy bỏ một phần Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của UBND huyện E tại hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất, bồi thường bằng đất đối với ông Triệu Hữu L và bà Triệu Thị M.

2. Buộc UBND huyện E ban hành Quyết định bổ sung bồi thường về đất, bồi thường về tài sản và cây trồng gắn liền với đất và tái định cư đối với ông Triệu Hữu L và bà Triệu Thị M theo đúng quy định của pháp luật

2. Phần trình bày của người bị kiện:

Tại bản tự khai của người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện, ông Lê Đình C trình bày:

1. Nguồn gốc sử dụng đất: Hộ ông Triệu Hữu L sử dụng gồm:

+ 2025,5m^2 đất thuộc phạm vi thu hồi tại thửa đất số 344 tờ bản đố số 127 theo trích lục bản đồ địa chính số 240/TL-CNEK-KTĐC, do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện E cấp ngày 12/01/2023;

+ 2636,8m^2 đất thuộc phạm vi thu hồi tại thửa đất số 335 tờ bản đố số 127 theo trích lục bản đồ địa chính số 238/TL-CNEK-KTĐC, do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện E cấp ngày 12/01/2023;

+ 3052,8m^2 đất thuộc phạm vi thu hồi tại thửa đất số 409 tờ bản đố số 127 theo trích lục bản đồ địa chính số 897/TL-CNEK-KTĐC, do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện E cấp ngày 14/03/2023;

Căn cứ Giấy xác nhận số 130/GXN-UBND ngày 21/05/2023 và số 141/GXN-UBND ngày 22/05/2023 của UBND xã C xác nhận: hộ ông Triệu Hữu L lấn chiếm sử dụng đất năm 2015 và năm 2016 (Theo Công văn số 45/CV-Cty ngày 18/05/2023 và số 46/CV-Cty ngày 22/05/2023 của Công ty TNHH MTV L4); Diện tích đất do Công ty TNHH MTV L4 quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/07/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho L5 thuê 137.935686 m đất; xác định việc sử dụng đất ổn định theo Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP: Từ năm 2015, 2016 đến nay sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

2. Bồi thường về đất:

Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Căn cứ theo Điều 82 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ kết quả xác nhận số 130/GXN-UBND ngày 21/05/2023 và số 141/GXN-UBND ngày 22/05/2023 của UBND xã C xác nhận đối với hộ ông

Triệu Hữu L thì toàn bộ diện tích đất thuộc phạm vi thu hồi của hộ gia đình có nguồn gốc lấn chiếm đất do UBND tỉnh Đ giao cho Công ty TNHH MTV L4 quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Lâm trường Ea Kar thuê 137.935.686 m2 đất và cấp GCNQSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Từ các căn cứ nêu trên thì toàn bộ diện tích thuộc phạm vi thu hồi của hộ ông Triệu Hữu L không đủ điều kiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Hỗ trợ về đất: căn cứ Khoản 2, Điều 20, Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ. Căn cứ kết quả xác nhận số 130/GXN-UBND ngày 21/05/2023 và số 141/GXN-UBND ngày 22/05/2023 của UBND xã C thì hộ ông Triệu Hữu L lấn chiếm sử dụng đất từ năm 2015, 2016 nên không được xem xét hỗ trợ về đất.

4. Hỗ trợ khác về tài sản, vật kiến trúc: Căn cứ điểm điểm b, khoản 4, Điều 20, Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ. Căn cứ kết quả xác nhận số 141/GXN-UBND ngày 22/05/2023 của UBND xã C, tài sản, vật kiến trúc của hộ ông Triệu Hữu L tạo lập năm 2015 trên phạm vi đất không đủ điều kiện bồi thường nên được hỗ trợ 30% theo giá trị còn lại.

5. Hỗ trợ khác về cây trồng: Căn cứ khoản 5 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ. Căn cứ kết quả xác nhận số 130/GXN-UBND ngày 21/05/2023 và số 141/GXN-UBND ngày 22/05/2023 của UBND xã C hộ ông Triệu Hữu L lấn chiếm sử dụng đất từ năm 2015, 2016 nên cây trồng được hỗ trợ bằng 30% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

6. Bố trí tái định cư: Căn cứ Điều 5, Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ- UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ. Tại Phương án số 66/PA-TTPTQĐ, ngày 06/07/2023 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện E trình đề nghị phê duyệt có hộ ông Triệu Hữu L phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất ở. Tuy nhiên, hộ gia đình đã có đơn đề nghị nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, không đề nghị cấp đất tái định cư ngày 11/5/2023. Theo đó, hộ ông Triệu Hữu L được đề nghị nhận bồi thường hỗ trợ bằng tiền và hộ gia đình tự bố trí, sắp xếp chỗ ở ở pháp sau khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án. Do đó, trong phương án này Trung tâm không tham mưu áp dụng quy định về hỗ trợ tái định cư nêu trên đối với hộ gia đình ông Triệu Hữu L.

Từ những căn cứ nêu trên và các quy định của pháp luật có liên quan, việc UBND huyện E ban hành Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 và 206/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

3. Phần trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Thống nhất trình bày như nội dung trình bày của người bị kiện.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 186/2024/HC-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 206 Luật Tố tụng hành chính 2015.

- Áp dụng Điều 75, Điều 82, Điều 83 Luật Đất đai 2013; Điều 5, khoản 2, 4, 5 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ;

- Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về yêu cầu khởi kiện:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Hữu L, bà Triệu Thị M về việc:

+ Hủy một phần Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M, giai đoạn 1, đối với nội dung hỗ trợ về đất, hỗ trợ về tài sản và cây trồng trên đất trên các diện tích đất bị thu hồi thuộc các thửa đất số 344, số 409 cùng tờ bản đồ số 127 của hộ ông Triệu Hữu L, bà Triệu Thị M.

+ Buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M, giai đoạn 1 đối với hộ ông Triệu Hữu L, Triệu Thị M trong đó có nội dung hỗ trợ về đất, hỗ trợ về tài sản và cây trồng gắn liền với đất trên diện tích đất bị thu hồi thuộc các thửa đất số 344, số 409 cùng tờ bản đồ số 127 theo đúng quy định của pháp luật.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Hữu L, bà Triệu Thị M đối với yêu cầu: Hủy một phần Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M, giai đoạn 1, đối với hộ ông Triệu Hữu L, Triệu Thị M về nội dung: Yêu cầu bồi thường về đất, bồi thường về cây trồng và tài sản gắn liền với đất; Yêu cầu về đất tái định cư đối với các thửa đất số 344, 409 và 335, cùng thuộc tờ bản đồ số 127; Yêu cầu hỗ trợ về đất, hỗ trợ về tài sản và cây trồng gắn liền với diện tích đất bị thu hồi thuộc thửa đất số 335, tờ bản đồ số 127.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/9/2024, ông Phạm Hữu H là người đại diện của người khởi kiện ông Triệu Hữu L, bà Triệu Thị M có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người bị kiện đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của ông Phạm Hữu H là người đại diện của người khởi kiện Ông Triệu Hữu L và bà Triệu Thị M là trong thời hạn quy định của Luật tố tụng hành chính và hợp lệ nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện:

[2.1]- *Đối với yêu cầu bồi thường về đất:*

Theo nội dung các văn bản: Giấy xác nhận số 130/GXN-UBND ngày 21/05/2023 và số 141/GXN-UBND ngày 22/05/2023 của UBND xã C; Công văn số 45/CTy ngày 18/5/2023 và Công văn số 46/CTy ngày 22/5/2024 của Công ty L4; Trích lục bản đồ địa chính số 240 và 238/TL-CNEK-KTĐC ngày 12/01/2023 và số 897/TL-CNEK-KTĐC ngày 14/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E phát hành; Bản mô tả hiện trạng sử dụng đất kèm theo các Trích lục địa chính nói trên thì diện tích 2.025,5m^2 đất tại thửa đất số 344, tờ bản đồ số 127; 2.636,8m^2 đất tại thửa đất số 335, tờ bản đồ số 127 và 3.052,8m^2 đất tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 127 đều nằm trong tổng diện tích đất 137.935.686 m^2 Nhà nước cho Công ty TNHH MTV L4 thuê theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/07/2008 của UBND tỉnh Đ.

Như vậy, căn cứ vào nguồn gốc đất nói trên thì khi UBND huyện E ban hành Quyết định thu hồi đất thì đối tượng có quyền sử dụng đất bị thu hồi là Công ty TNHH MTV L4, hộ ông L, bà M đã sử dụng đất có nguồn gốc lấn chiếm của Công ty TNHH MTV L4. Do vậy căn cứ Điều 75, Điều 82 Luật Đất đai 2013, UBND huyện E không thực hiện bồi thường về đất cho hộ ông L, bà M là đúng quy định của pháp luật.

[2.2]- *Đối với yêu cầu hỗ trợ về đất tái định cư:*

Theo Kết quả xác minh số 130/GXN-UBND ngày 21/5/2023 và 141/GXN-UBND ngày 22/5/2023 của UBND xã C thì hộ ông L, bà M bị thu hồi tổng cộng 7.715,1m^2 đất. Tuy nhiên, tổng diện tích đất mà hộ ông L, bà M đang quản lý sử dụng trên địa bàn xã C là 35.320,7m^2 và hộ gia đình không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở. Vì vậy, căn cứ quy định Điều 5 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ, yêu cầu hỗ trợ đất tái định cư của hộ ông L, bà M không có căn cứ chấp nhận.

[2.3]- *Đối với yêu cầu về các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:*

Căn cứ Biên bản về việc thống kê, kiểm đếm đất đai tài sản gắn liền với đất của hộ ông L, bà M do các cơ quan Nhà nước tại huyện E thiết lập vào ngày 06/3/2023, ngày 27/3/2023 và ngày 09/5/2023 thì diện tích đất bị thu hồi của hộ ông L, bà M gồm đất và các tài sản trên đất như sau:

- Trên diện tích 2.025,5m^2 đất bị thu hồi tại thửa đất số 344, tờ bản đồ số 127 có nhà ở, nhà kho, mái che, bếp và 186 cây cà phê vối đều được tạo lập từ năm 2001;

- Trên diện tích 3.052,8m^2 đất bị thu hồi tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 127 có móng nhà, hầm vệ sinh và 297 cây cà phê vối đều được tạo lập từ năm 2001;

- Trên diện tích 2.636,8m^2 đất bị thu hồi tại thửa đất số 335, tờ bản đồ số 127 có các cây mít, mãng cầu, chuối,…. được trồng từ năm 2020, 2021;

Do đó, có căn cứ, cơ sở pháp lý để xác định thời điểm sử dụng đất, tạo lập các tài sản trên đất thực tế tại các thửa đất số 344 và 409 cùng tờ bản đồ số 127 của hộ ông L, bà M phải được xác định là năm 2001. Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của UBND huyện E xác định thời điểm sử dụng đất, tạo lập các tài sản trên đất các thửa đất số 344 và 409 cùng tờ bản đồ số 127 của hộ ông L, bà M là năm 2015 là không đúng với thực tế quản lý, sử dụng đất, tạo lập các tài sản trên đất của hộ ông L, bà M. Ngoài ra, tại Bảng tổng hợp chi tiết ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 205/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của UBND huyện E cũng thể hiện trên thửa đất số 344 và 409 có các cây trồng từ năm 2001 nhưng UBND huyện E lại căn cứ vào thời điểm sử dụng đất là năm 2015 để tính chi phí hỗ trợ về cây trồng cho hộ ông L là có sự mâu thuẫn.

Từ việc xác định sai thời điểm sử dụng đất, sai thời điểm tạo lập tài sản, cây trồng gắn liền với đất tại hai thửa 344 và 409 nên UBND huyện E xác định sai các mức hỗ trợ về đất, tài sản, cây trồng gắn liền với đất ... cho hộ ông L, bà M không đúng, không phù hợp với mức hỗ trợ được quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

Đối với nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất số 335, tờ bản đồ số 127 thì thấy: Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện giao nộp 01 Đơn xin xác nhận đề ngày 10/6/2024 có nội dung Trưởng công an xã C xác nhận ông Triệu Hữu Lâm sinh S tại địa phương từ năm 1994 đến nay là mâu thuẫn với lời trình bày của hộ ông L tại các Biên bản kiểm đếm (bút lục số 25, 35) và mâu thuẫn với

Đơn xin xác nhận về quá trình sử dụng đất của ông Triệu Phúc T, ông Lý Văn T1, ông Triệu Hoa V, ông Triệu Phúc L2, bà Triệu Thị L3, ông Dương Trung H1, bà Lê Thị T2, ông Hoàng Văn M1, ông Trương Công B, bà Triệu Mai H2, ông Đặng Văn C1.

Xét thấy, tại các đơn xác nhận trên, có con dấu và chữ ký của đại diện Công an xã C, tuy nhiên, đại diện Công an xã C chỉ xác nhận việc những người làm đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn F, xã C, không xác nhận về nội dung của văn bản. Vì vậy, các tài liệu do người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện cung cấp không đủ cơ sở pháp lý, không phải là các giấy tờ xác định thời điểm sử dụng ổn định thửa đất số 335 là từ thời điểm nào.

Mặt khác, tại Kết quả xác minh số 130/GXN-UBND ngày 21/5/2023 và 141/GXN-UBND ngày 22/5/2023 của UBND xã C; Công văn số 45/CV-Cty ngày 18/5/2023 của Công ty TNHH MTV L4 thì đây là các chứng cứ do UBND huyện E và Công ty L4 cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của các tài liệu, chứng cứ này.

Do đó, căn cứ vào tài liệu trên và thực trạng kiểm kê của Trung tâm phát triển quỹ đất thì xác định thời điểm hộ ông L, bà M sử dụng thửa đất số 335 là từ năm 2015. Vì vậy, không có căn cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản, vật kiến trúc trên thửa đất số 335.

[2.4]. Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định :

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Hữu L, bà Triệu Thị M về việc:

+ Hủy một phần Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M, giai đoạn 1, đối với nội dung hỗ trợ về đất, hỗ trợ về tài sản và cây trồng trên đất trên các diện tích đất bị thu hồi thuộc các thửa đất số 344, số 409 cùng tờ bản đồ số 127 của hộ ông Triệu Hữu L, bà Triệu Thị M.

+ Buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M, giai đoạn 1 đối với hộ ông Triệu Hữu L, Triệu Thị M trong đó có nội dung hỗ trợ về đất, hỗ trợ về tài sản và cây trồng gắn liền với đất trên diện tích đất bị thu hồi thuộc các thửa đất số 344, số 409 cùng tờ bản đồ số 127 theo đúng quy định của pháp luật.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Hữu L, bà Triệu Thị M đối với yêu cầu: Hủy một phần Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc

Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M, giai đoạn 1, đối với hộ ông Triệu Hữu L, Triệu Thị M về nội dung: Yêu cầu bồi thường về đất, bồi thường về cây trồng và tài sản gắn liền với đất; Yêu cầu về đất tái định cư đối với các thửa đất số 344, 409 và 335, cùng thuộc tờ bản đồ số 127; Yêu cầu hỗ trợ về đất, hỗ trợ về tài sản và cây trồng gắn liền với diện tích đất bị thu hồi thuộc thửa đất số 335, tờ bản đồ số 127 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ông Triệu Hữu L, bà Triệu Thị M kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

[3] Về án phí: ông Triệu Hữu L, bà Triệu Thị M là người dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Triệu Hữu L, bà Triệu Thị M, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 186/2024/HC-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí: ông Triệu Hữu L, bà Triệu Thị M được miễn án phí hành chính phúc thẩm

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hợp